

UBND HUYỆN HÓC MÔN
TRƯỜNG TIỂU HỌC
NGUYỄN THỊ NUÔI

Biểu mẫu 07
Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28
tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2021 – 2022

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/lớp học	45/45	1,35 m²/học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	35	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ, mượn		-
III	Số điểm trường lẻ	0	-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	9562 m ²	-
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	3168 m ²	
VI	Tổng diện tích các phòng	2740 m ²	1,35 m ²
1	Diện tích phòng học (m ²)	1988 m ²	
2	Diện tích thư viện (m ²)	85,2 m ²	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	-	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	85,2 m ²	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	255,6 m ² / 3 phòng	
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	340,8 m ² / 4 phòng	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	28,4 m ²	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	-	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	86 m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	46	
1.1	Khối lớp 1	11	
1.2	Khối lớp 2	11	
1.3	Khối lớp 3	8	
1.4	Khối lớp 4	8	
1.5	Khối lớp 5	8	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	-	
2.1	Khối lớp 1	-	
2.2	Khối lớp 2	-	
2.3	Khối lớp 3	-	
2.4	Khối lớp 4	-	
2.5	Khối lớp 5	-	

VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	144	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		
1	Ti vi	43	
2	Cát xét	6	
3	Đầu Video/đầu đĩa	3	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	5	
5	Thiết bị khác...		
6			

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	76,5 m ²
XI	Nhà ăn	322 m ²

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	45 phòng = 2740 m ²	1900	1,44
XIII	Khu nội trú	/	/	/

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	4		10		100m ² / 1494 HS
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Học Môn, ngày 17 tháng 9 năm 2021
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Hồng Phượng

UBND HUYỆN HÓC MÔN
TRƯỜNG TIỂU HỌC
NGUYỄN THỊ NUÔI

Biểu mẫu 08
Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28
tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường tiểu học.

Năm học 2021 - 2022

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	82	0	2	60	7	2	11	31	19	12	29	36	/	/
I	Giáo viên	62	0	1	57	3	1		31	19	9	17	36	/	/
	Trong đó số giáo viên nhiều môn	50		1	46	2	1		24	16	7	16	27		
1	Tiếng dân tộc	0													
2	Ngoại ngữ	8			7	1			5	3		1	7		
3	Tin học	1			1						1		1		
4	Âm nhạc														
5	Mỹ thuật	2			2				1		1		1		
6	Thể dục	1			1				1						
II	Cán bộ quản lý	3			3						3	3			
1	Hiệu trưởng	1			1						1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2		1	1						2	2			
III	Nhân viên	17			2	3	1								
1	Nhân viên văn thư	1			1										
2	Nhân viên kế toán	1				1									
3	Thủ quỹ	1				1									
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên thư viện	1			1										
6	Nhân viên công nghệ thông tin	1				1									
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0													
8	Nhân viên phục vụ	6						6							
9	Nhân viên bảo vệ.	5						5							

Hóc Môn, ngày 17 tháng 9 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Hồng Phượng